

Bản án số: 621/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Trung

2/ Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 220/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 297/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 9, ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Lương Văn M**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 9, ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Lương Văn M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2014 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/2014. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đến tháng 5/2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, ông M không quan tâm đến gia đình vợ con và còn có hành vi bạo lực đối với bà. Bà và ông M đã sống ly thân từ cuối năm

2023 đến nay. Nay bà L nhận thấy không còn tình cảm với ông M, vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lương Văn M.

Về con chung: Bà và ông Lương Văn M có 02 (hai) con chung tên Lương Ngọc Q, sinh ngày 02/12/2014 và Lương Mạnh C, sinh ngày 28/02/2023. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà L không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu Tòa án sớm giải quyết vụ án. Bà đã có bản tự khai gửi Tòa án. Bà nộp Tòa án đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 21/3/2024, bị đơn ông Lương Văn M trình bày:

Ông thừa nhận quá trình sống chung, kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà Nguyễn Thị L trình bày là đúng. Hiện tại bà L đã đưa con ra ngoài ở. Sau khi kết hôn vợ chồng có phát sinh một số mâu thuẫn do ông còn ham chơi. Ông M thừa nhận có đánh vợ mấy lần. Nay ông đang cố gắng sửa đổi vì muốn vợ chồng hàn gắn, ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị L vì ông còn thương yêu vợ con.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị L có 02 (hai) con chung tên Lương Ngọc Q, sinh ngày 02/12/2014 và Lương Mạnh C, sinh ngày 28/02/2023. Nếu trường hợp phải ly hôn thì ông cũng đồng ý để cho bà Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung, việc cấp dưỡng nuôi con ông sẽ tự thực hiện theo khả năng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lương Văn M vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tổng đạt, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án ly hôn với ông Lương Văn M và ông Lương Văn M có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lương Văn M đã được Tòa án triệu hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2014 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/2014 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lương Văn M là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L trình bày nguyên nhân vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn trong cuộc sống là do ông Lương Văn M ham chơi, không quan tâm đến vợ con và có hành vi bạo lực đối với bà. Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà đã đưa hai con đi khỏi nhà từ cuối năm 2023 và sống ly thân với ông M từ đó cho đến nay. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, ông Lương Văn M thừa nhận nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn đúng như bà L đã trình bày. Do đó, bà L khai vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống với nhau từ năm cuối năm 2023 đến nay là có cơ sở nên căn cứ vào Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Thị L, ông Lương Văn M và các bản sao Giấy khai sinh có đủ căn cứ xác định bà Nguyễn Thị L và ông Lương Văn M có 02 (hai) con chung tên Lương Ngọc Q, sinh ngày 02/12/2014 và Lương Mạnh C, sinh ngày 28/02/2023.

Xét thấy bà Nguyễn Thị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà L không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Ông Lương Văn M có ý kiến trong trường hợp phải ly hôn thì ông cũng đồng ý để cho bà Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung. Do đó yêu cầu của bà L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L không yêu cầu ông Lương Văn M cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Lương Văn M xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lương Văn M. Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2014 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/2014 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Lương Văn M có 02 (hai) con chung tên Lương Ngọc Q, sinh ngày 02/12/2014 và Lương Mạnh C, sinh ngày 28/02/2023. Giao 02 (hai) con chung tên Lương Ngọc Q và Lương Mạnh C cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L không yêu cầu ông Lương Văn M cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lương Văn M có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Lương Văn M xác định không có.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0033390 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L và ông Lương Văn M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- UBND xã L, huyện B;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đinh Thị Hoài Thu

